



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 1105003

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Mã lớp học phần: 110500301

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 20.6.18 Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.7

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	KTTX1	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc	Ánh	19/12/1999	<u>al</u>	6.0	Sáu không	C19KT	
2	1710010028	Bùi Minh	Chuẩn	11/02/1999	<u>Ch</u>	6.0	Sáu không	C19TH	
3	1710010010	Phan Võ Khánh	Duy	17/03/1998	<u>Ph</u>	6.0	Sáu không	C19TH	
4	1710010027	Hồ Hoàng	Giang	02/07/1999	<u>H</u>	5.5	Năm năm	C19TH	
5	1710110008	Bùi Thu	Hà	20/06/1999	<u>Thu</u>	6.0	Sáu không	C19KT	
6	1710010002	Nguyễn Trúc Thanh	Hằng	02/06/1999	<u>Thanh</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
7	1710110012	Trần Thị Thu	Hiền	18/04/1999	<u>Thu</u>	6.0	Sáu không	C19KT	
8	1710010015	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	06/04/1999	<u>G</u>	6.6	Sáu sáu	C19TH	
9	1710010009	Trần Đình	Huy	11/02/1996	<u>Đ</u>	7.4	Bảy bốn	C19TH	
10	1710110003	Phạm Thị	Huyền	07/01/1999	<u>Ph</u>	5.0	Năm không	C19KT	
11	1710110015	Nguyễn Thị Diễm	Hương	22/07/1999	<u>Th</u>	7.5	Bảy năm	C19KT	
12	1710010011	Phạm Duy	Khánh	19/09/1998	<u>Ph</u>	6.0	Sáu không	C19TH	
13	1710110001	Bùi Đặng Phương	Linh	09/12/1997	<u>Ph</u>	6.5	Sáu năm	C19KT	
14	1710110002	Hồ Yến	Linh	11/05/1999	<u>Y</u>	6.0	Sáu không	C19KT	
15	1710010004	Mai Thị	Mỹ	01/07/1999	<u>M</u>	5.5	Năm năm	C19TH	
16	1710010001	Nguyễn Trung	Nghĩa	29/10/1998	<u>N</u>	6.5	Sáu năm	C19TH	
17	1710010018	Thông Thị	Ngọt	20/07/1999	<u>T</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
18	1710010029	Đoàn Trọng	Nhân	04/06/1998	<u>N</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
19	1710010013	Lê Thành	Nhân	04/08/1997	<u>L</u>	10.0	Mười không	C19TH	
20	1710010006	Nguyễn Trọng	Phúc	05/10/1999	<u>Ph</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
21	1710110004	Hồ Ngọc	Phượng	25/11/1999	<u>H</u>	6.0	Sáu không	C19KT	
22	1710010008	Ngô Kim	Phượng	25/03/1999	<u>N</u>	8.0	Tám không	C19TH	
23	1710110010	Đặng Thị Thúy	Quyên	26/03/1998	<u>Q</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
24	1710010003	Phạm Thế	Quỳnh	19/03/1999	<u>P</u>	5.0	Năm không	C19TH	
25	1710010021	Lê Thạch	Sil	07/11/1999	<u>L</u>			C19TH	
26	1710010022	Nguyễn Hoàng Phục	Sinh	22/03/1997	<u>S</u>	6.5	Sáu sáu	C19TH	
27	1710010017	Trương Thành	Tài	21/07/1998	<u>T</u>	5.0	Năm không	C19TH	
28	1710110011	Lê Thị Phương	Thảo	11/02/1999	<u>Th</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
29	1710010014	Huỳnh Thị Kim	Thoa	20/07/1999	<u>K</u>	6.5	Sáu năm	C19TH	
30	1710110006	Đặng Kim	Thuy	28/05/1999	<u>D</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
31	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai	Trinh	06/05/1999	<u>N</u>	8.0	Tám không	C19KT	
32	1710110026	Dương Thị Ánh	Trúc	12/10/1999	<u>D</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
33	1710110022	Nguyễn Thị Lan	Trường	05/12/1999	<u>N</u>	6.8	Sáu tám	C19KT	
34	1710010016	Chu Hồng	Tú	28/10/1998	<u>C</u>	5.0	Năm không	C19TH	

SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	KTTX1	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
10110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999	<i>Nuông</i>	7.0	Bảy không	C19KT	
1710010012	Trịnh Quốc Việt	30/06/1999	<i>Đ</i>	5.0	Năm không	C19TH	
37 1710010005	Nguyễn Thị Như Ý	09/09/1999	<i>h</i>	6.0	Sáu không	C19TH	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 36 vắng thi: 1 Số bài thi: 36 / 36

Số sinh viên đạt/không đạt: 36 / 00

Tỷ lệ đạt: 100 , 00 %

Ngày: 16 tháng 8 năm 2018

L TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày: 25 tháng 6 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thư
Tường Thi Ngọc Thư

TRƯ

KH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 1105003

Mã lớp học phần: 110500301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 4.7.18 Giờ thi: _____ Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	KTTX2	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc Ánh	19/12/1999	<u>ae</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
2	1710010028	Bùi Minh Chuẩn	11/02/1999	<u>Ch</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
3	1710010010	Phan Võ Khánh Duy	17/03/1998	<u>S</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
4	1710010027	Hồ Hoàng Giang	02/07/1999	<u>G</u>	6.0	Sáu không	C19TH	
5	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999	<u>HT</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
6	1710010002	Nguyễn Trúc Thanh Hằng	02/06/1999	<u>Thanh</u>	8.0	Tám không	C19TH	
7	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999	<u>Thu</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
8	1710010015	Nguyễn Ngọc Gia Huy	06/04/1999	<u>GH</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
9	1710010009	Trần Đình Huy	11/02/1996	<u>DT</u>	7.5	Bảy năm	C19TH	
10	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999	<u>Ph</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
11	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999	<u>NTH</u>	9.0	Chín không	C19KT	
12	1710010011	Phạm Duy Khánh	19/09/1998	<u>Ph</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
13	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997	<u>Ph</u>	8.0	Tám không	C19KT	
14	1710110002	Hồ Yến Linh	11/05/1999	<u>YL</u>	6.0	Sáu không	C19KT	
15	1710010004	Mai Thị Mỹ	01/07/1999	<u>MT</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
16	1710010001	Nguyễn Trung Nghĩa	29/10/1998	<u>NT</u>	8.0	Tám không	C19TH	
17	1710010018	Thông Thị Ngọt	20/07/1999	<u>Th</u>	8.5	Tám năm	C19TH	
18	1710010029	Đoàn Trọng Nhân	04/06/1998	<u>DT</u>	8.0	Tám không	C19TH	
19	1710010013	Lê Thành Nhân	04/08/1997	<u>LT</u>	10.0	Mười không	C19TH	
20	1710010006	Nguyễn Trọng Phúc	05/10/1999	<u>NT</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
21	1710110004	Hồ Ngọc Phượng	25/11/1999	<u>Ph</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
22	1710010008	Ngô Kim Phượng	25/03/1999	<u>Kim</u>	9.0	Chín không	C19TH	
23	1710110010	Đặng Thị Thúy Quyên	26/03/1998	<u>DT</u>	8.0	Tám không	C19KT	
24	1710010003	Phạm Thế Quỳnh	19/03/1999	<u>Ph</u>	6.0	Sáu không	C19TH	
25	1710010021	Lê Thạch Sil	07/11/1999	<u>LS</u>			C19TH	
26	1710010022	Nguyễn Hoàng Phục Sinh	22/03/1997	<u>SH</u>	7.0	Bảy không	C19TH	
27	1710010017	Trương Thành Tài	21/07/1998	<u>TT</u>	6.0	Sáu không	C19TH	
28	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999	<u>LT</u>	8.0	Tám không	C19KT	
29	1710010014	Huỳnh Thị Kim Thoa	20/07/1999	<u>KT</u>	8.0	Tám không	C19TH	
30	1710110006	Đặng Kim Thuy	28/05/1999	<u>DK</u>	8.5	Tám năm	C19KT	
31	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999	<u>NT</u>	9.0	Chín không	C19KT	
32	1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999	<u>DT</u>	8.0	Tám không	C19KT	
33	1710110022	Nguyễn Thị Lan Trường	05/12/1999	<u>NT</u>	7.0	Bảy không	C19KT	
34	1710010016	Chu Hồng Tú	28/10/1998	<u>CT</u>	5.0	Năm không	C19TH	

	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	KTTX2	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
0110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999	<i>[Signature]</i>	9.0	chưa kiểm tra	C19KT	
1710010012	Trịnh Quốc Việt	30/06/1999	<i>[Signature]</i>	5.0	Năm không	C19TH	
37 1710010005	Nguyễn Thị Như Ý	09/09/1999	<i>[Signature]</i>	7.0	Bảng không	C19TH	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 36 vắng thi: 01 Số bài thi: 36 / 36

Số sinh viên đạt/không đạt: 36 / 00

Tỷ lệ đạt: 100,00 %

Ngày 12 tháng 8 năm 2018

[Signature] TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Cē Phụng Đan

Ngày 6 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG

KHÁC

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 1105003

Mã lớp học phần: 110500301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 24/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Trần Thị Kim Anh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thị Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ánh	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Võ Thị Ngọc	Ánh	19/12/1999	<u>[Signature]</u>		5.2	Năm hai	C19KT	
2	1710010028	Bùi Minh	Chuân	11/02/1999	<u>[Signature]</u>		4.2	Bốn hai	C19TH	Nợ HP - R
3	1710010010	Phan Võ Khánh	Duy	17/03/1998	<u>[Signature]</u>		6.87.0	Bảy không	C19TH	<u>[Signature]</u>
4	1710010027	Hồ Hoàng	Giang	02/07/1999	<u>[Signature]</u>		5.4	Năm bốn	C19TH	Nợ HP
5	1710110008	Bùi Thu	Hà	20/06/1999	<u>[Signature]</u>		3.4	Ba bốn	C19KT	
6	1710010002	Nguyễn Trúc Thanh	Hằng	02/06/1999	<u>[Signature]</u>		6.2	Sáu hai	C19TH	
7	1710110012	Trần Thị Thu	Hiên	18/04/1999	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu không	C19KT	
8	1710010015	Nguyễn Ngọc Gia	Huy	06/04/1999	<u>[Signature]</u>		2.0	Hai không	C19TH	Nợ HP ✓
9	1710010009	Trần Đình	Huy	11/02/1996	<u>[Signature]</u>		7.4	Bảy bốn	C19TH	
10	1710110003	Phạm Thị	Huyền	07/01/1999	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy không	C19KT	
11	1710110015	Nguyễn Thị Diễm	Hương	22/07/1999	<u>[Signature]</u>		6.4	Sáu bốn	C19KT	
12	1710010011	Phạm Duy	Khánh	19/09/1998	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm không	C19TH	
13	1710110001	Bùi Đặng Phương	Linh	09/12/1997	<u>[Signature]</u>		5.8	Năm tám	C19KT	
14	1710110002	Hồ Yến	Linh	11/05/1999	<u>[Signature]</u>		3.8	Ba tám	C19KT	Nợ HP
15	1710010004	Mai Thị	Mỹ	01/07/1999	<u>[Signature]</u>		4.6	Bốn sáu	C19TH	
16	1710010001	Nguyễn Trung	Nghĩa	29/10/1998	<u>[Signature]</u>		6.6	Sáu sáu	C19TH	
17	1710010018	Thông Thị	Ngọt	20/07/1999	<u>[Signature]</u>		4.4	Bốn bốn	C19TH	
18	1710010029	Đoàn Trọng	Nhân	04/06/1998	<u>[Signature]</u>		8.8	Tám tám	C19TH	
19	1710010013	Lê Thành	Nhân	04/08/1997	<u>[Signature]</u>		9.6	Chín sáu	C19TH	Nợ HP
20	1710010006	Nguyễn Trọng	Phúc	05/10/1999	<u>[Signature]</u>				C19TH	Nợ HP x
21	1710110004	Hồ Ngọc	Phượng	25/11/1999	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu không	C19KT	
22	1710010008	Ngô Kim	Phượng	25/03/1999	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm không	C19TH	
23	1710110010	Đặng Thị Thúy	Quyên	26/03/1998	<u>[Signature]</u>		4.8	Bốn tám	C19KT	PH4
24	1710010003	Phạm Thế	Quỳnh	19/03/1999	<u>[Signature]</u>		2.8	Hai tám	C19TH	
25	1710010022	Nguyễn Hoàng Phúc	Sinh	22/03/1997	<u>[Signature]</u>				C19TH	Nợ HP x
26	1710010017	Trương Thành	Tài	21/07/1998	<u>[Signature]</u>		4.8	Bốn tám	C19TH	Nợ HP

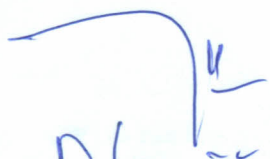
Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 4 , Số bài thi/Số tờ: 22 / 24 .

Số sinh viên đạt: 15 Tỷ lệ đạt: 69 %

Ngày 17 tháng 8 năm 2018
TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Lê Phú Cường

Ngày 26 tháng 7 năm 2018
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Ngọc Thu

Mỗi sinh viên +0,2 điểm vì lỗi đề thi

TRƯỜNG
KHÁC

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU
PHÒNG
KHẢO THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2017-2018

Môn học : Anh văn căn bản 3 - 1105003

Mã lớp học phần: 110500301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 24/07/2018

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Trần Phú Đức Ký tên: Phu

Giám thị 2: Thái Yên Hòa Ký tên: Hoa

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Tài	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710010017	Trương Thành	Tài	21/07/1998	<u>Trương</u>		4.8	Bốn tám	C19TH	Nợ HP
2	1710110011	Lê Thị Phương	Thảo	11/02/1999	<u>Phuong</u>		6.4	Sáu bốn	C19KT	
3	1710010014	Huỳnh Thị Kim	Thoa	20/07/1999	<u>Kim Thoa</u>		6.4	Sáu bốn	C19TH	
4	1710110006	Đặng Kim	Thuy	28/05/1999	<u>Đặng</u>		5.0	Năm không	C19KT	
5	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai	Trinh	06/05/1999	<u>Nguyen</u>		6.8	Sáu tám	C19KT	
6	1710110026	Dương Thị Ánh	Trúc	12/10/1999	<u>Truc</u>		5.8	Năm tám	C19KT	
7	1710110022	Nguyễn Thị Lan	Trương	05/12/1999	<u>Truong</u>		5.0	Năm không	C19KT	Nợ HP
8	1710010016	Chu Hồng	Tú	28/10/1998	<u>Chu</u>		4.0	Bốn không	C19TH	
9	1710110007	Phan Trần Tường	Vi	21/11/1999	<u>Phan</u>		6.2	Sáu hai	C19KT	
10	1710010012	Trịnh Quốc	Việt	30/06/1999	<u>Trinh</u>		6.0	Sáu không	C19TH	
11	1710010005	Nguyễn Thị Như	Ý	09/09/1999	<u>Nguyen</u>		4.0	Bốn không	C19TH	Nợ HP

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 21 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 21 / 11

Số sinh viên đạt: 8 Tỷ lệ đạt: 73 %

Ngày: 18 tháng 8 năm 2018

2 TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyen

Nguyễn Lê Phúy Dore

Ngày: 26 tháng 7 năm 2018

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Truong
Trương Thị Ngọc Thu

Mỗi sinh viên + 0.2 điểm vì lỗi đề thi

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: HKIII (2017 - 2018)

Môn học: Anh văn căn bản 3

Mã bài thi: IN95TD

Thời gian thi: 24/07/2018 00:00:00

Thời gian kết thúc: 24/07/2018 00:00:00

Giám thị 1: Trần Phú Đức Ký tên: PhuGiám thị 2: Thái Yên Ka Ký tên: halGiám thị 3: Trần Thị Kim Anh Ký tên: mlGiám thị 4: Trần Thị Hoa Ký tên: hanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1710110019	Vô Thị Ngọc Ánh	19/12/1999		5		C19KT	
2	1710010028	Bùi Minh Chuẩn	11/02/1999		4		C19TH	
3	1610100143	Nguyễn Thị Kim Dung	10/10/1998		4.6		C18QT	
4	1710010010	Phan Võ Khánh Duy	17/03/1998		6.8		C19TH	
5	1710010027	Hồ Hoàng Giang	02/07/1999		5.2		C19TH	
6	1610100149	Đoàn Thị Thanh Giang	12/12/1998		3.4		C18QT	
7	1710110008	Bùi Thu Hà	20/06/1999		3.2		C19KT	
8	1710010002	Nguyễn Trúc Thanh Hằng	02/06/1999		6		C19TH	
9	1710110080	Trần Hữu Hạnh	28/12/1998		7.4		C18QT	
10	1710110012	Trần Thị Thu Hiền	18/04/1999		5.8		C19KT	
11	1710110015	Nguyễn Thị Diễm Hương	22/07/1999		6.2		C19KT	
12	1710010009	Nguyễn Ngọc Gia Huy	06/04/1999		1.8		C19TH	
13	1710010009	Trần Đình Huy	11/02/1996		7.2		C19TH	
14	1710110003	Phạm Thị Huyền	07/01/1999		6.8		C19KT	
15	1710010011	Phạm Duy Khánh	19/09/1998		4.8		C19TH	
16	1710110001	Bùi Đặng Phương Linh	09/12/1997		5.6		C19KT	
17	1710110002	Hồ Yên Linh	11/05/1999		3.6		C19KT	
18	1710010004	Mai Thị Mỹ	01/07/1999		4.4		C19TH	
19	1410040006	Hoàng Văn Nam	08/02/1996		3.8		C16CK	
20	1710010001	Nguyễn Trung Nghĩa	29/10/1998		6.4		C19TH	
21	1710010018	Thông Thị Ngọt	20/07/1999		4.2		C19TH	
22	1710010029	Đoàn Trọng Nhân	04/06/1998		8.6		C19TH	
23	1710010013	Lê Thành Nhân	04/08/1997		9.4		C19TH	
24	1610100004	Trần Thị Kim Oanh	22/01/1998		7.6		C18QT	
25	1710010008	Ngô Kim Phụng	25/03/1999		4.8		C19TH	
26	1710110004	Hồ Ngọc Phụng	25/11/1999		5.8		C19KT	
27	1710110010	Đặng Thị Thủy Quyền	26/03/1998		4.6		C19KT	
28	1710010003	Phạm Thế Quỳnh	19/03/1999		2.6		C19TH	
29	1710010017	Trương Thành Tài	21/07/1998		4.6		C19TH	
30	1210130211	Nguyễn Trần Bảo Thắng	02/05/1993		3.6		N/A	
31	1710110011	Lê Thị Phương Thảo	11/02/1999		6.2		C19KT	
32	1710010014	Huỳnh Thị Kim Thoa	20/07/1999		6.2		C19TH	
33	1710110006	Đặng Kim Thụy	28/05/1999		4.8		C19KT	
34	1610100148	Trần Văn Toàn	07/04/1997		3.2		C18QT	
35	1710110005	Nguyễn Ngọc Mai Trinh	06/05/1999		6.6		C19KT	
36	1610100101	Huỳnh Ngọc Nhà Trúc	22/08/1998		6.2		C18QT	
37	1710110026	Dương Thị Ánh Trúc	12/10/1999		5.6		C19KT	
38	1710110022	Nguyễn Thị Lan Trường	05/12/1999		4.8		C19KT	
39	1710010016	Chu Hồng Tú	28/10/1998		3.8		C19TH	
40	1710110007	Phan Trần Tường Vi	21/11/1999		6		C19KT	
41	1710010012	Trịnh Quốc Việt	30/06/1999		5.8		C19TH	
42	1610100022	Nguyễn Thị Hồng Xuân	02/03/1998		7.2		C18QT	
43	1610010018	Trần Vũ Xuyên	09/09/1996		4.8		C18TH	

Số sinh viên đạt: 34

Số sinh viên dự thi: 44

Ngày 12 tháng 8 năm 2018

TRƯỜNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 24 tháng 7 năm 2018

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

(ký & ghi rõ họ tên)

